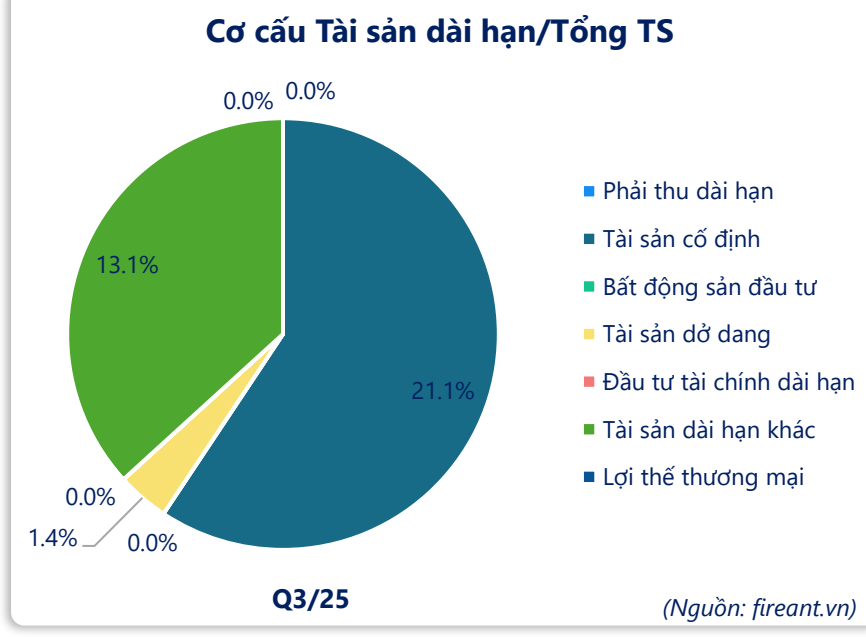
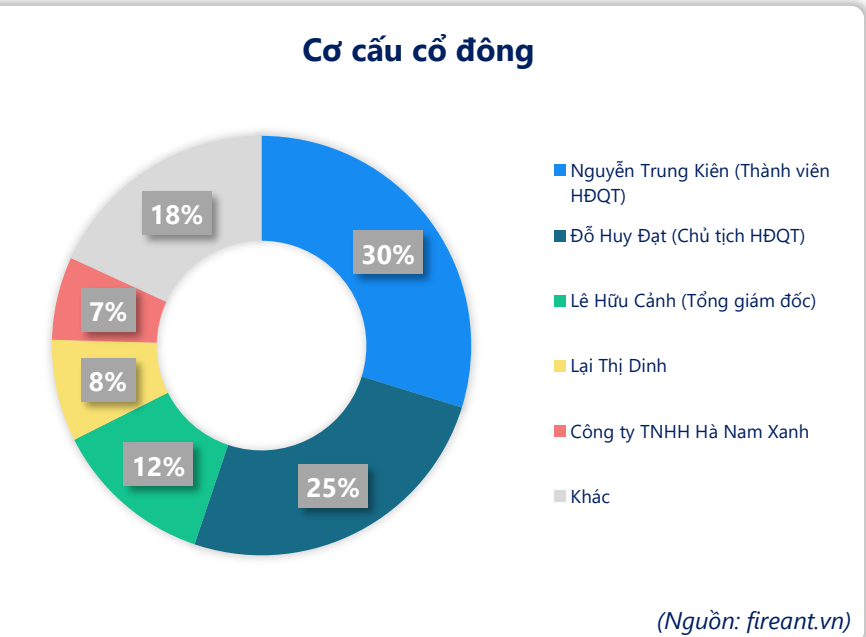
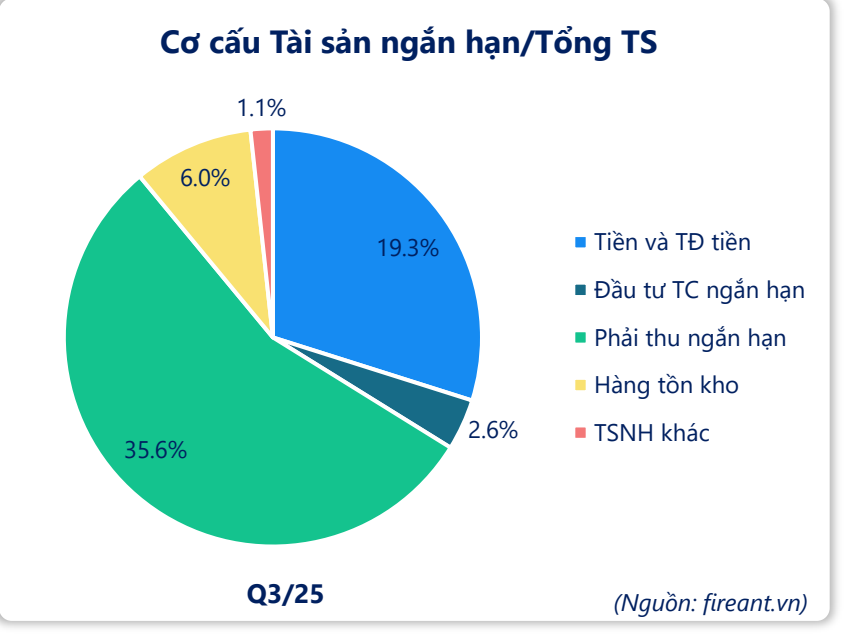
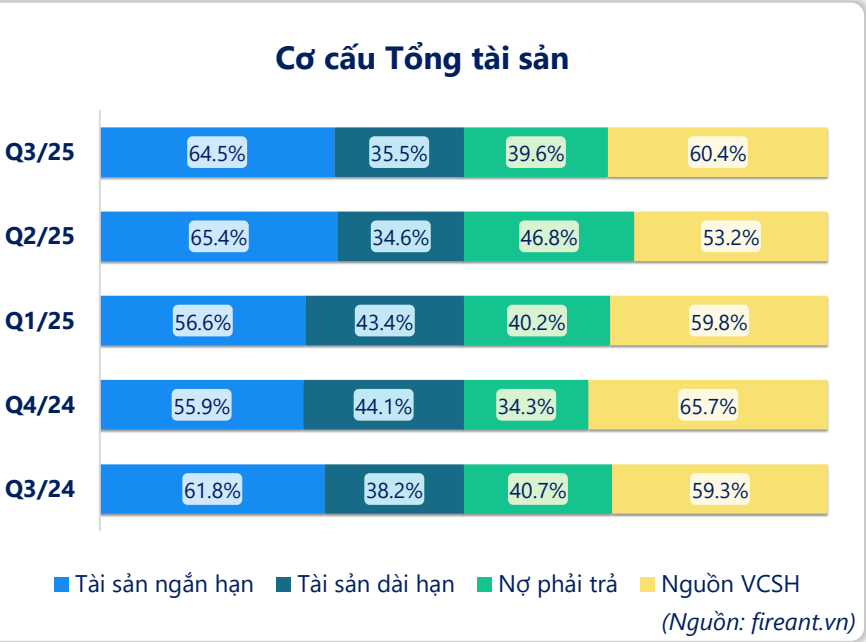
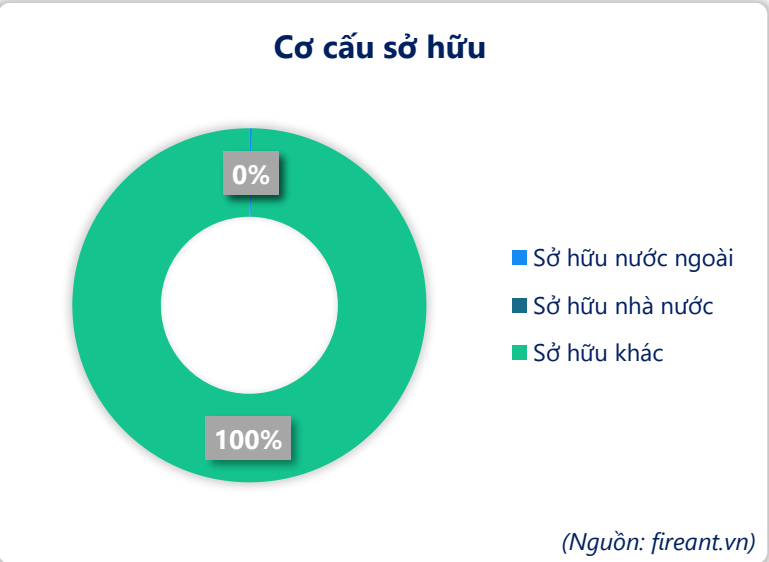
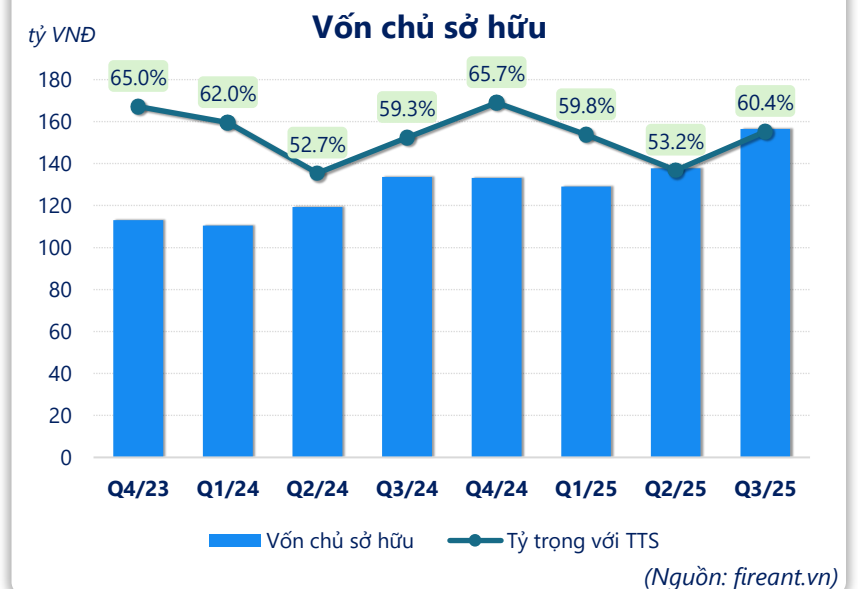
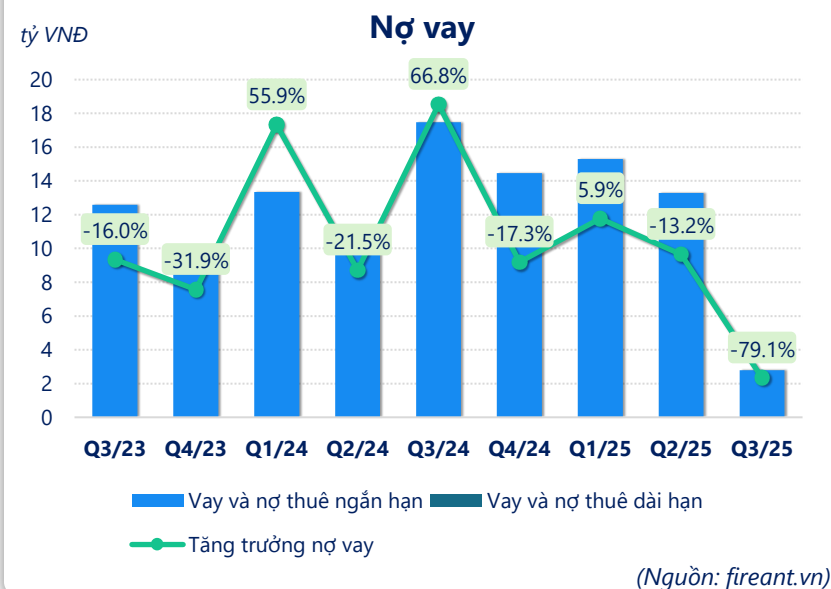
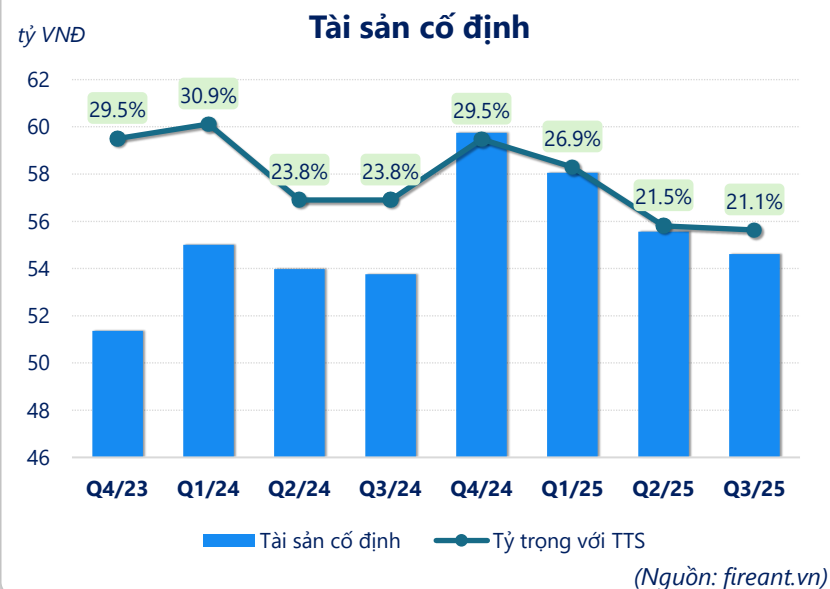
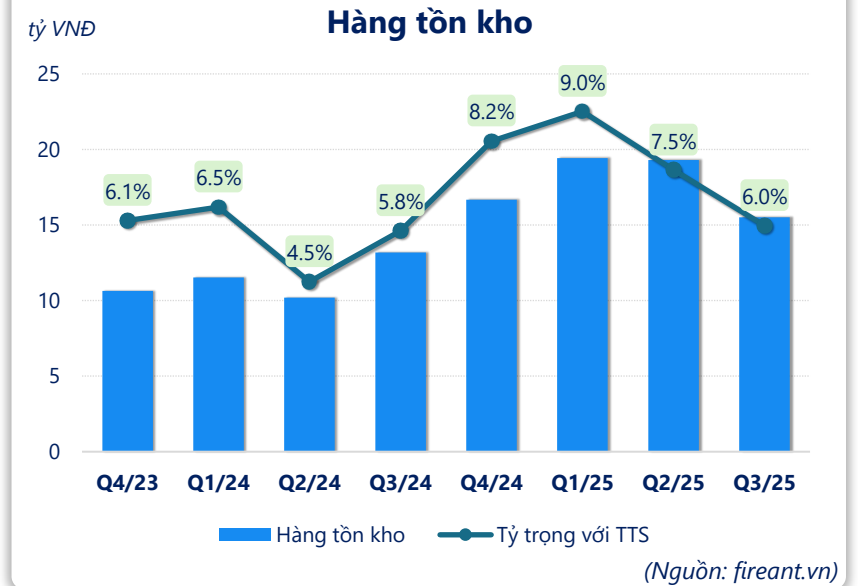
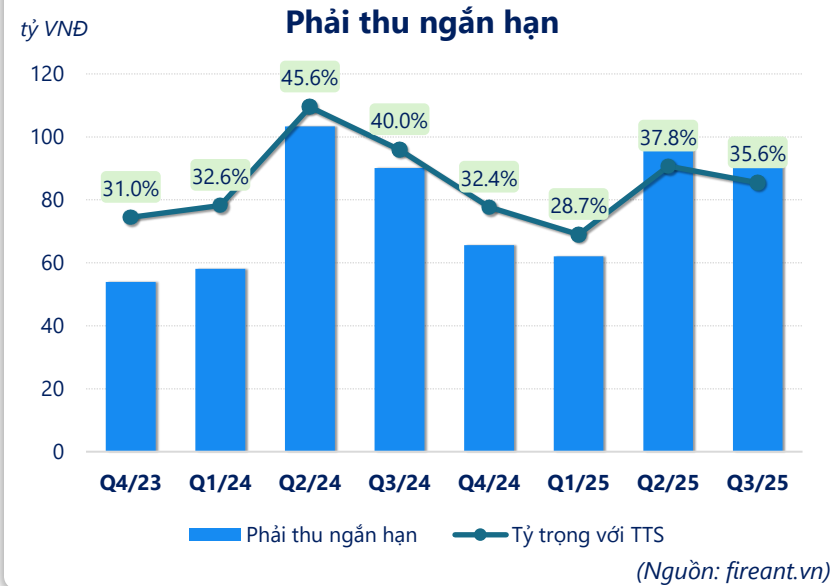
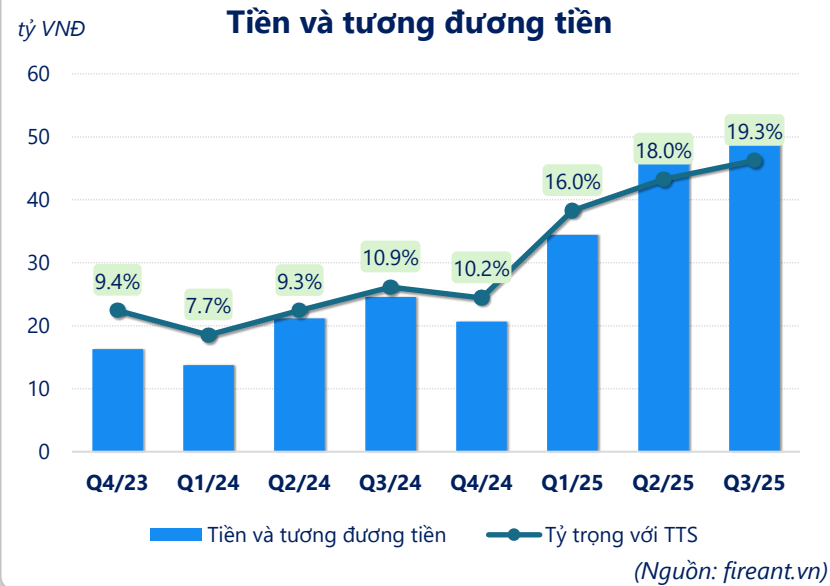
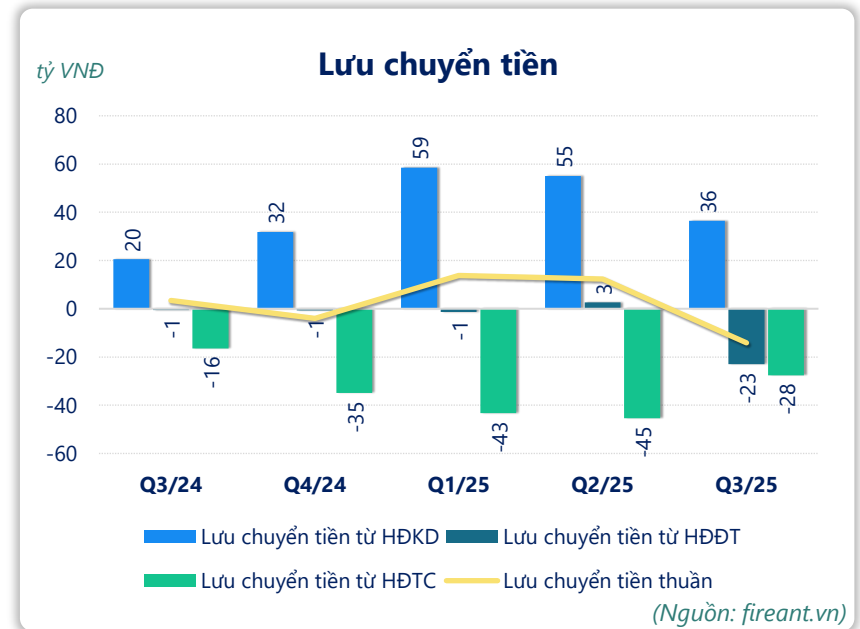
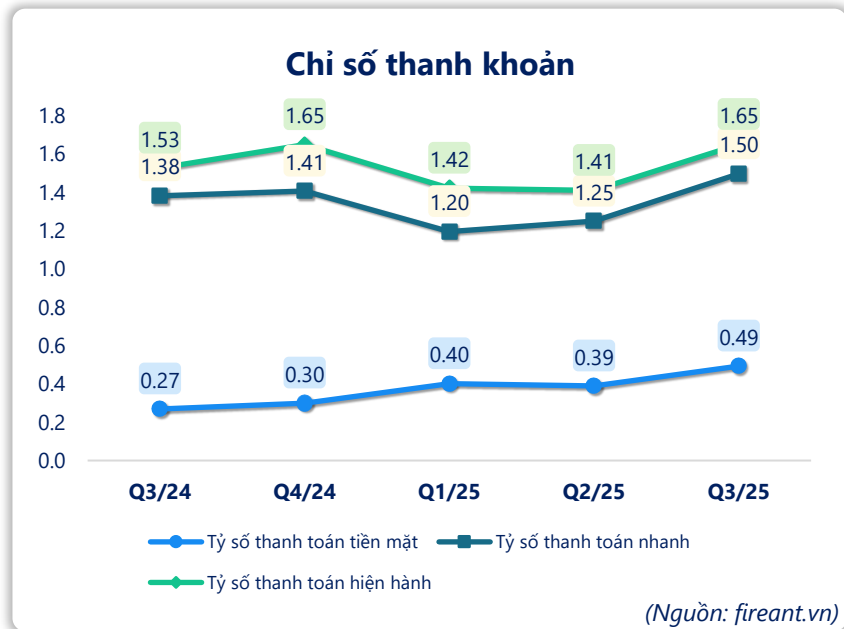
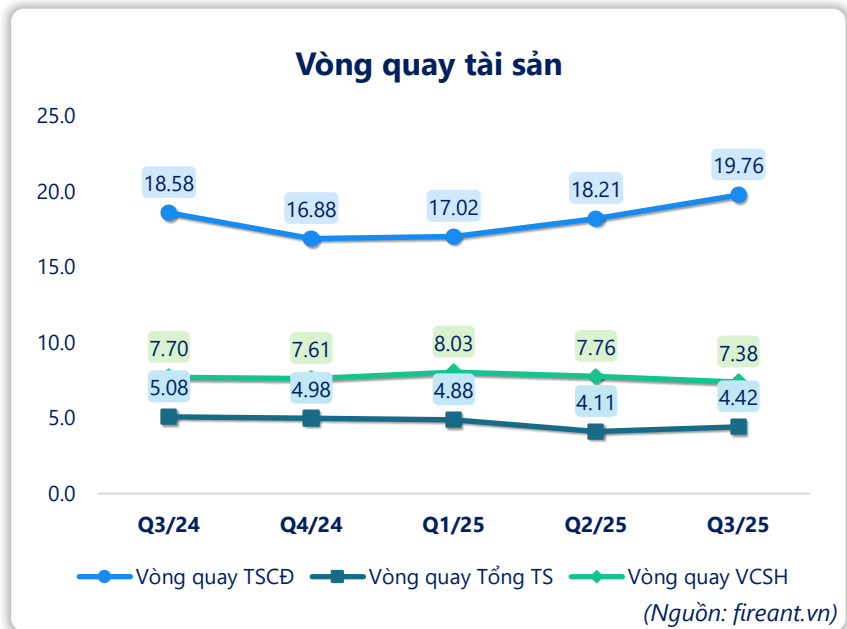
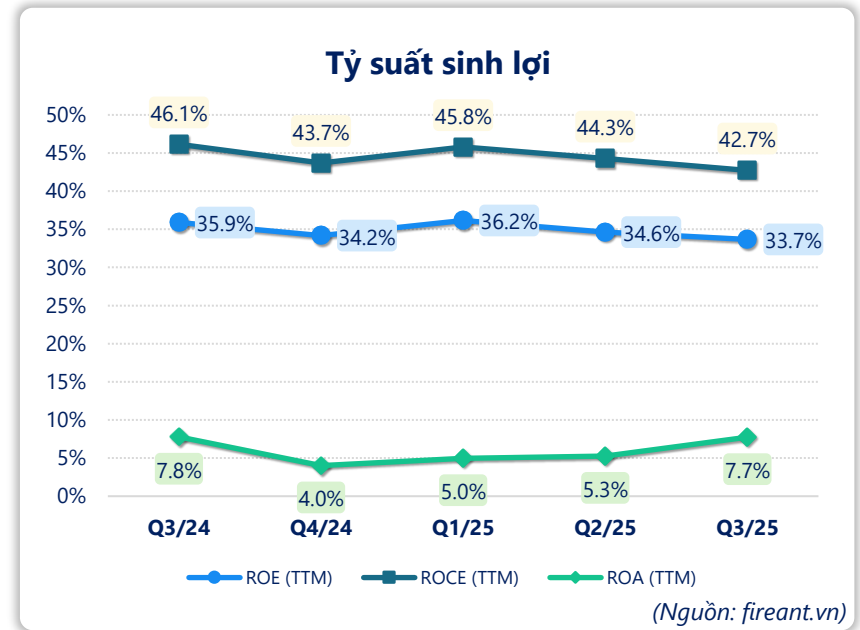
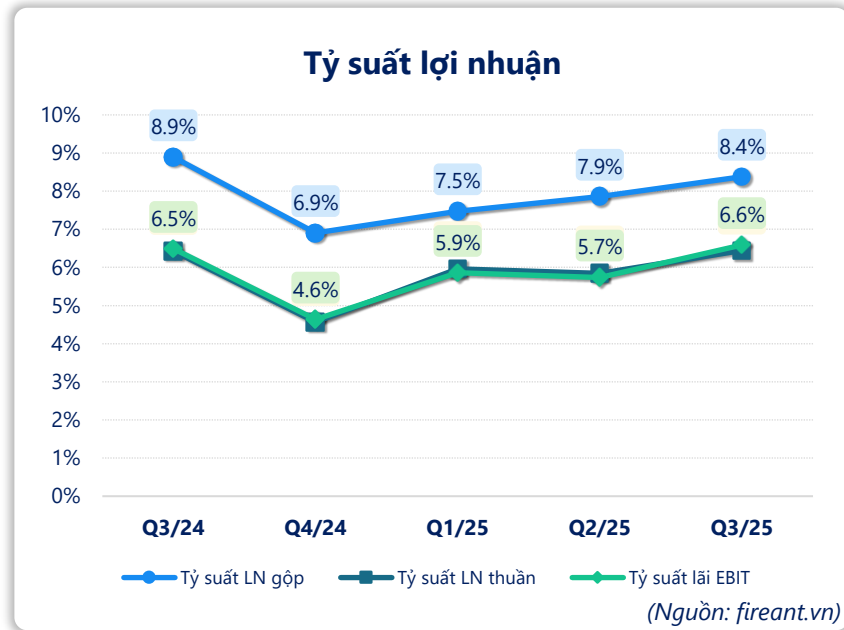
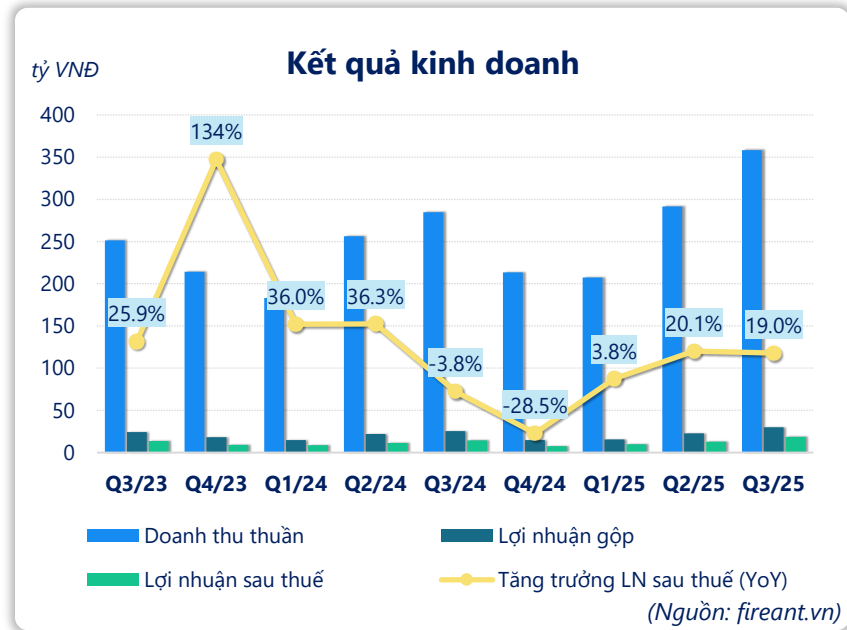


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		54,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		66,765
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		45,290
SL cổ phiếu LH		10,034,681
KLGD BQ 20 phiên (CP)		440
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		542
P/E		11.1
EPS		4,869

	YTD	1T	3T	6T
DNC	-4.5%	1.0%	7.4%	5.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	259	203	27.8%
Tài sản ngắn hạn	167	113	47.3%
Tiền và tương đương tiền	49.9	20.6	142%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.62	8.85	-25.2%
Phải thu ngắn hạn	92.2	65.5	40.8%
Hàng tồn kho	15.5	16.4	-5.5%
Tài sản ngắn hạn khác	2.88	2.08	38.0%
Tài sản dài hạn	92.0	89.3	3.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	54.6	59.7	-8.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.59	0.38	838%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.00	3.59	-99.9%
Tài sản dài hạn khác	33.8	25.6	32.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	103	69.5	47.8%
Nợ ngắn hạn	101	68.8	47.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2.78	14.5	-80.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	66.9	32.5	106%
Nợ dài hạn	1.35	0.69	96.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	157	133	17.5%
Vốn chủ sở hữu	157	133	17.5%
Vốn điều lệ	100	80.3	25.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	285	213	208	292	358
Giá vốn hàng bán	259	199	192	269	328
Lợi nhuận gộp	25.3	14.7	15.5	22.9	30.0
Doanh thu HĐTC	0.01	0.01	0.44	0.03	0.09
Chi phí TC	1.43	-1.14	-1.61	0.75	0.08
Chi phí lãi vay	0.13	0.12	-0.20	0.45	0.08
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	5.58	6.14	5.19	5.14	6.96
LN thuần từ HĐKD	18.3	9.75	12.4	17.0	23.1
Lợi nhuận khác	0.02	0.02	-0.01	-0.77	0.44
LN trước thuế	18.3	9.77	12.4	16.3	23.5
Lợi nhuận sau thuế	14.4	7.56	9.78	12.8	18.7
LNST của CĐ cty mẹ	14.4	7.56	9.78	12.8	18.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	20.5	31.8	58.5	55.0	36.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.56	-0.74	-1.41	2.67	-23.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-16.5	-35.0	-43.3	-45.4	-27.6
Tiền đầu kỳ	21.1	24.6	20.6	34.4	46.7
Lưu chuyển tiền thuần	3.43	-3.94	13.8	12.3	-14.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	24.6	20.6	34.4	46.7	32.6

(Nguồn: fireant.vn)